

Số: . 48/BC-KLM

Nghệ An, ngày 05 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO Thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900324603
- Vốn điều lệ: 38.850.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.262.028.029 đồng
- Địa chỉ: Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại: 02383 883 138
- Số fax/Fax:
- Website: congtykimloaimaunghetinh.com
- Mã cổ phiếu: KLM
- **Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:**

Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh được thành lập ngày 23/4/1980. Theo Quyết định số 336/QĐ/TCNĐT ngày 29/5/1993 của Bộ Công nghiệp, Xí nghiệp Liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh được thành lập lại và đổi tên thành Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà Nước và Quyết định số 183/2001/QĐ-TTg ngày 20/11/2001 về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX, Công ty từng bước sắp xếp lại và đổi mới. Ngày 28/7/2004 Bộ trưởng bộ Công nghiệp ra Quyết định số 65/2004/QĐ-BCN chuyển Công ty thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Kim loại màu Nghệ Tĩnh trực thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 26/5/2008, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt nam ra Quyết định số 1205/QĐ-HĐQT phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển đổi Công ty thành Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Ngày 23/8/2008 các cổ đông của Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông để chính thức thành lập Công ty Cổ phần.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản – TKV chính thức thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh; Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh chính thức trở thành Công ty cổ phần do tư nhân nắm giữ 100% vốn điều lệ và đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông bầu lại Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Khai thác chế biêt thiếc thỏi đạt tiêu chuẩn loại 1.

+ Kinh doanh dịch vụ xăng dầu.

- Địa bàn kinh doanh:

+ Huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp):

a) Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

b) Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh có 4 thành viên.

c) Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao; Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

d) Ban kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty gồm 02 thành viên.

Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, lãnh đạo Công ty công tác quản lý văn phòng, hành chính quản trị, văn hóa thể thao, quan hệ với tổ chức và cá nhân trong và ngoài Công ty đảm bảo theo đúng điều lệ, quy chế, quy định của Công ty và quy định của Pháp luật; Công tác tổ chức, quy hoạch cán bộ và đào tạo; công tác thi đua khen thưởng; quản lý lao động tiền lương và chính sách xã hội đối với người lao động trong toàn Công ty; tổ chức thực hiện công tác thanh kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu tố, công tác bảo vệ tự vệ, công tác quân sự và an ninh trật tự nội bộ; công tác tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng và quản lý vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Mua, bán sản phẩm, lao vụ và dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh của Công ty; Tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê trong toàn Công ty.

g) Bộ phận Kỹ thuật:

Tham mưu, giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kỹ thuật; công tác quản lý kỹ thuật khai thác, tuyển khoáng, luyện kim, xây dựng, quản lý mỏ, tài nguyên, thăm dò khoáng sản phát triển tài nguyên; hồ sơ xin cấp mỏ, thuê đất, đền bù đất đai giải phóng mặt bằng; quản lý khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất. Quản lý

chất lượng hàng hoá; công tác quản lý kỹ thuật, máy móc thiết bị, cơ điện, đầu tư đổi mới thiết bị, mua sắm phụ tùng, vật tư cơ điện phục vụ sản xuất kinh doanh trong Công ty; công tác an toàn Bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ và môi trường.

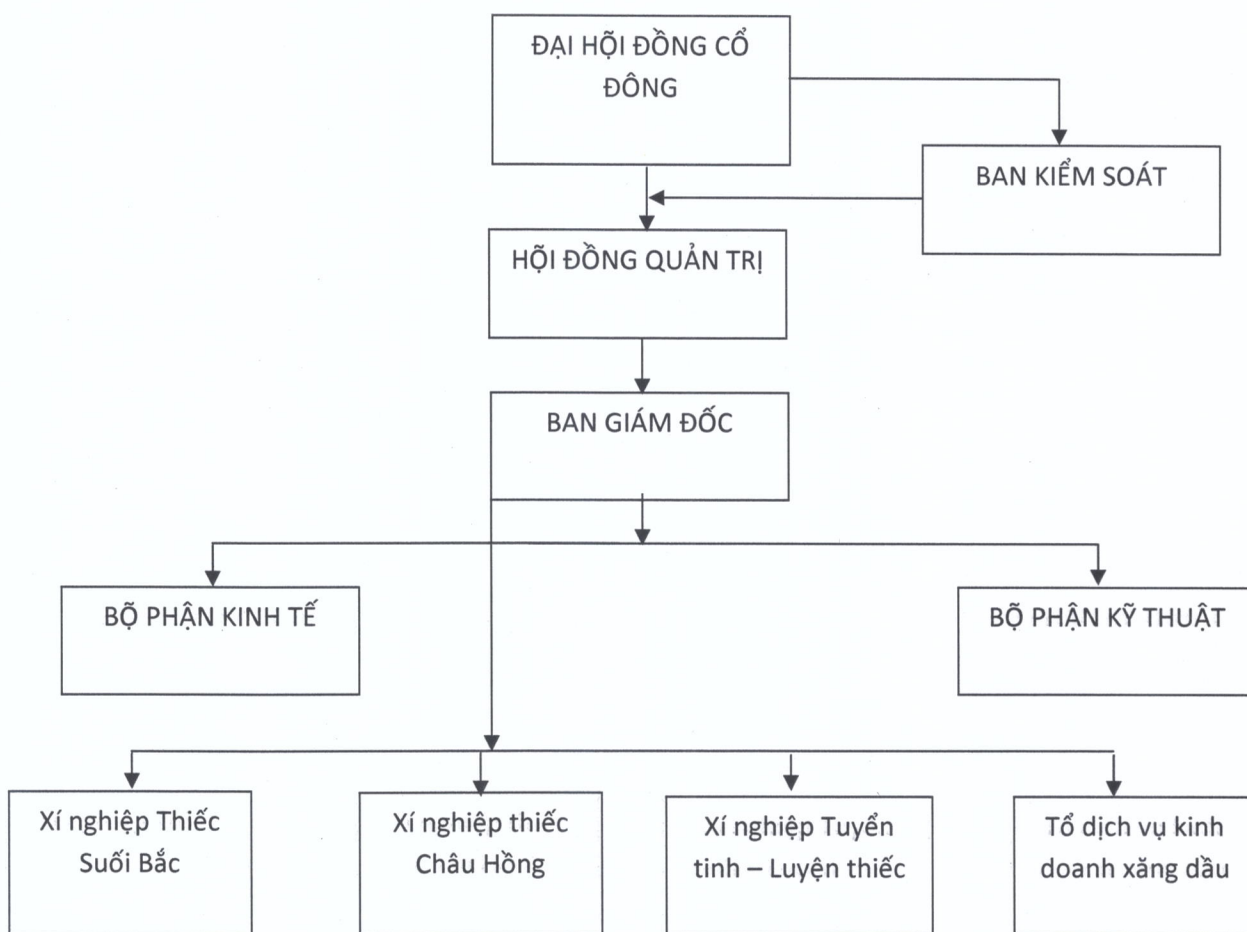
Xí nghiệp thiếc Suối Bắc: Chức năng chính là Khai thác và tuyển quặng thiếc gốc.

Xí nghiệp thiếc Châu Hồng: Chức năng chính là khai thác và tuyển quặng thiếc sa khoáng.

Xí nghiệp Tuyển tinh – Luyện thiếc: Chức năng chính là Tuyển quặng thiếc và chế biến quặng thiếc thành thiếc thỏi thành phẩm 99,75% Sn và 99,95% Sn.

Tổ dịch vụ và kinh doanh xăng dầu: Chức năng chính là Kinh doanh xăng, dầu và dầu mỡ phụ.

Cơ cấu bộ máy quản lý.



4. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Năm 2022 đạt các chỉ tiêu chủ yếu:

++ Thiếc thỏi 99,95%: 52 tấn.

++ Kinh doanh xăng dầu: 1,5 triệu lít.

++ Doanh thu: 62,57 tỷ.

++ Nộp ngân sách: 5,8 tỷ.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Mở rộng khai thác chế biến thiếc thỏi.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ *Tiếp tục cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý thải sau tuyển thô, tuyển tinh nhằm đảm bảo môi trường.*

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Sản lượng thiếc thô tiêu thụ: 27,5,0 tấn / 52 tấn đạt 52,90 % KH năm; đạt 72,36 % so với năm 2021

- Kinh doanh xăng dầu: 1.079.000 lít/ 1.500.000 lít đạt 71,9 % KH năm; đạt 80,5 % so với năm 2021

- Tổng Doanh thu : 42.967,9 tr đồng/62.568 triệu đồng đạt 68,7% KH năm; đạt 82,5 % so với năm 2021

- Lợi nhuận trước thuế : triệu đồng (9.716,6) / 234 tr.đồng KH năm;

- Nộp ngân sách : 2.469,6 /5.806,0 triệu đồng đạt 42,53 % KH năm; đạt , 187,3% so với năm 2021

- Thu nhập bình quân : 7,67 triệu đồng/7,69 triệu đồng/người/tháng đạt 99,7 % KH năm; đạt 125,6 % so với năm 2021

2. Tổ chức và nhân Sự

a. Danh sách Ban Điều hành:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ (cp)	Tỷ lệ (%)
I	Hội đồng quản trị			
1	Phạm Hồng Thịnh	Chủ tịch	109.928	2,8%
2	Bùi Văn Tiến	UV	245.114	6,31%
3	Vũ Sơn Hải	UV		
4	Phạm Hữu Bắc	UV	417.510	10,75%
II	Ban kiểm soát			
1	Phạm Thanh Hoa	Trưởng ban	56.422	1,45%
2	Võ Thị Dung	UV	100	0,0025%
III	Ban giám đốc			
1	Nguyễn Ngọc Nam	Giám đốc	0	
2	Trần Văn Chiến	P.Giám đốc	0	
3	Đình Hữu Hạnh	Kế toán trưởng	0	

b. Những thay đổi nhân sự ban điều hành trong năm:

Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã thay đổi:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
	(không)		

c. Số lượng cán bộ công nhân viên:

- Số lao động đầu năm : 56 người ; trong đó lao động nữ: 17

- Số tăng trong năm: 0 trong đó: LĐ nữ: 0

- Số giảm trong năm: 05 người; trong đó lao động nữ: 04
- Số lao động cuối năm: 51 người; trong đó LĐ nữ: 13 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- Các khoản đầu tư lớn : Không
- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	9.165.174.886	12.808.535.646	139,7
2	Doanh thu thuần	52.080.991.358	42.967.904.966	82,5
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(27.750.164.826)	(9.716.646.694)	35,01
4	Lợi nhuận khác	299.818.383	(31.863.206)	(10,6)
5	Lợi nhuận trước thuế	(27.750.164.826)	(9.716.646.694)	35,01
6	Lợi nhuận sau thuế	(27.750.164.826)	(9.716.646.694)	35,01

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2022

Đánh giá tình hình tài chính của Công ty như sau:.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH)	Lần	0,37	0,33
	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền/NNH)	Lần	0,034	0,032
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0,68	0,96
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,15	12,5
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,98	0,57
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,88	0,92
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(0,527)	(0,226)
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	(2,115)	(2,98)
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(0,460)	(0,219)
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(0,527)	(0,225)

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2022

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh: KLM;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đ/cp;
- Tổng số cổ phần: 3.885.000 cp;
- Trong đó: Cổ phần do nhà nước chi phối : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	04	857.303	22,07%
2	Cá nhân	88	3.027.697	77,93%
	Tổng cộng:	92	3.885.000	100%

* Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;

* Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;

* Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2022, cơ bản đã thực hiện được một số nội dung cơ bản gồm:

- Đưa XN thiếc suôi Bắc trở lại hoạt động bình thường, bước đầu đã tạo doanh thu từ khai thác chế biến quặng thiếc.

- Đã và đang triển khai gia hạn thuê đất, một số thửa đất đã hết hạn thuê đất năm 2022 và 2023.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ, tài sản, sản phẩm. Bố trí đầy đủ nhân lực bảo vệ để thực hiện công tác tuần tra, bảo vệ. Trong năm 2022, không để xảy ra các trường hợp mất mát tài nguyên, tranh chấp ranh giới mỏ trong quá trình sản xuất, mất mát tài sản, sản phẩm.

- Thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động kịp thời với mức lương phù hợp với công việc và năng lực. Nhìn chung, tư tưởng của người lao động ổn định, yên tâm gắn bó lâu dài với công ty.

- Thực hiện kê khai nộp thuế, phí đối với Nhà nước đầy đủ, kịp thời.

- Kết quả sản xuất năm 2022 không đạt được như kế hoạch đề ra do, giá tiêu thụ thiếc giảm mạnh vào những các tháng cuối quý 2 cho đến nay giá vẫn nằm ở mức thấp, các lô hàng xuất bán trong năm 2022 vẫn phải chờ chốt giá.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	9.165.174.886	22,4%	12.808.535.646	28,92%
Tài sản dài hạn	31.743.723.138	77,6%	31.472.034.239	71,08%
Tổng cộng tài sản	40.908.898.024	100%	44.280.569.885	100%

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2022

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	24.774.314.036	88,7%	37.825.887.000	92,21%
Nợ dài hạn	3.155.909.265	11,3%	3.192.654.856	7,79%
Tổng nợ	27.930.223.301	100%	41.018.541.856	100%

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2022

Tình hình nợ ngắn hạn năm 2022 đã tăng so với năm 2021 chủ yếu là do vay vốn lưu động, nợ người bán.

3. Kế hoạch SXKD năm 2023

3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2023

- Sản lượng thiếc thời sản xuất và tiêu thụ: 80 tấn.
- Kinh doanh xăng dầu: 240.000 lít.
- Doanh thu: 49.247 trđ (Trong đó: Thiếc: 44.258,0 trđ; xăng dầu: 4713,0 tr.đ; doanh thu khác: 277 tr.đ).
- Lợi nhuận: 677,0 trđ.
- Tiền lương bình quân: 8,43 trđ/ng/tháng.
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 0 trđ.

3.2. Các giải pháp chính:

Bên cạnh những thuận lợi, thì vẫn còn hiện hữu rất nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế xã hội trong nước và thế giới còn nhiều bất ổn, giá nguyên - nhiên - vật liệu, các loại thuế phí của Nhà nước tăng cao; các thủ tục thuê đất, đóng cửa mỏ,... chưa hoàn thiện; Việc thu gom nguyên liệu giá rất cao mà cũng không mua được ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác quản trị nội bộ Công ty trong một số lĩnh vực nhất là công tác kỹ thuật mỏ còn nhiều tồn tại, một phần do thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn về kỹ thuật mỏ, một phần do tính chủ động, kịp thời và đồng bộ trong quản lý điều hành chưa cao.

Những yếu tố chính trên là thách thức rất lớn đối với Công ty, đòi hỏi CBCNV và người lao động trong Công ty đoàn kết, kỷ luật đồng tâm; phát huy tính năng động và sáng tạo, tranh thủ tối đa những thuận lợi, tận dụng mọi cơ hội và nội lực để khắc phục khó khăn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2023

Từ các tồn tại nêu trên, để duy trì sản xuất ổn định, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong năm 2023 gắn với mục tiêu tăng năng suất, thực thu, tiết giảm chi phí cần tập trung các nhóm giải pháp sau:

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy Công ty, sắp xếp lực lượng lao động phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Hoàn thiện và bổ sung các quy chế, quy định tất cả các mặt quản lý của Công ty để có cơ chế quản lý đồng bộ, nhất quán từ Công ty đến các đơn vị thành viên.

- Tăng cường tính chủ động của các bộ phận trong công tác quản lý, điều hành, điều độ hoạt động sản xuất, quản trị chi phí; quản lý kỹ thuật cơ bản để tăng năng suất, thực thu của dây chuyền công nghệ, hạ giá thành để đáp ứng được với những khó khăn hiện tại và biến động của giá cả thị trường.

- Tập trung đẩy mạnh sản lượng tự sản xuất; tăng cường mối quan hệ để thúc đẩy sản lượng nhập, gia công từ các khách hàng. Chủ động trong phương thức tiêu thụ thiếc để có cách thức tiêu thụ hợp lý, mang lại hiệu quả nhất cho Công ty.

- Tăng cường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đột xuất để đảm bảo mục tiêu hai không về an toàn “*không tai nạn, không sự cố*”, không để xảy ra hiện tượng vi phạm về môi trường.

- Duy trì và phát huy việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp, tích cực tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao nhằm tạo khí thế thi đua nhằm giữ vững vai trò, vị thế của Công ty.

- Cân đối hiệu quả chung của Công ty, có giải pháp hợp lý để khi cần có thể tăng sản lượng quặng huy động theo giá thị trường. Tích cực và chủ động hợp tác với khách hàng để nhận quặng và thiếc gia công nhằm tăng thời gian hoạt động cho lò luyện và điện phân, có việc làm cho người lao động.

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động trong năm 2022 và định hướng năm 2023

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị:

- Chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kỷ luật điều hành của HĐQT công ty; điều hành các hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, nghị quyết của HĐQT trong đó đã có nhiều giải pháp tích cực trong công tác chỉ đạo điều hành SXKD của Công ty đạt hiệu quả.

- Sau khi ổn định sản xuất tại mỏ Suối Bắc, ban điều hành đã tập trung chỉ đạo khai thác tuyển rửa, kết quả năm 2022 có phần giảm khó khăn hơn các năm trước.

- Đã chủ động đề xuất các giải pháp tiêu thụ thiếc hiệu quả hơn, góp phần không nhỏ vào hiệu quả chung và duy trì SX ổn định.

- Chủ động, giải quyết kịp thời tài chính đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Định hướng của HĐQT năm 2023:

Năm 2023 tình hình hoạt động SXKD của Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn do: Xưởng tuyển thiếc Suối Bắc đang trong thời gian chạy thử, hàm lượng thấp, đường lò dài tỷ lệ khai thác đá không quặng lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất; Công tác thu gom quặng thiếc gặp nhiều khó khăn do giá thị trường cao hơn giá Công ty có thể thu mua được; sản lượng kinh doanh xăng dầu thấp, hiệu quả không cao. Các chính sách của Nhà nước về lĩnh vực khai thác khoáng sản ngày càng chặt chẽ, giá cả một số nguyên liệu, vật tư tăng hơn so với năm trước, địa hình khai thác, công nghệ sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD của Công ty. Trước những khó khăn, trở ngại như vậy. Để đạt được mục tiêu về SXKD trong năm 2021, HĐQT định hướng hoạt động chủ yếu như sau:

1. Tái cơ cấu lại tổ chức bộ máy: Tiếp tục rà soát sắp xếp lại công việc từ các phòng ban đến các đơn vị thành viên nhằm phát huy năng lực, hiệu quả trong công việc.

2. Tăng cường áp dụng cải tiến kỹ thuật vào sản xuất. Có giải pháp hợp lý trong tổ chức và điều hành để tăng năng suất, thực thu, giảm giá thành sản xuất.

3. Tập trung chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc của Công ty thực hiện kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và Nghị quyết của HĐQT.

4. Cùng Ban điều hành rà soát và hoàn thiện hệ thống quản lý Công ty gồm: xây dựng các quy chế và quy định mới phù hợp với tình hình hiện nay của Công ty.

5. Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty phù hợp với tình hình mới.

V. Quản trị Công ty

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Hồng Thịnh	Chủ tịch	4/4	100	
2	Ông Vũ Sơn Hải	Ủy viên	4/4	100	
3	Bùi Văn Tiến	Ủy viên	4/4	100	
4	Phạm Hữu Bắc	Ủy viên	4/4	100	

Các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của đại diện Ban Kiểm soát Công ty và có thư ký Hội đồng quản trị ghi lại Biên bản chi tiết nội dung họp và có Nghị quyết các cuộc họp. Cụ thể trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành 03 Nghị quyết, 03 Quyết định.

2. Hoạt động Ban Kiểm soát:

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

TT	Thành viên bKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Thị Hoa	Trưởng ban KS	3/3	100	
2	Võ Thị Dung	TV BKS	3/3	100	

* Hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông.

- Tổ chức họp BKS định kỳ theo quý với 100% thành viên tham gia.
- Tham dự đầy đủ các buổi họp HĐQT với nhiều đóng góp ý kiến theo chức năng và thẩm quyền.
- Tiến hành rà soát các quy chế quản trị nội bộ của Công ty
- Tiến hành đi kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

TT	Thành viên	Chức danh	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc				
1	Ông Phạm Hồng Thịnh	Chủ tịch	28.800.000		28.800.000
2	Ông Vũ Sơn Hải	Ủy viên	25.200.000		25.200.000
3	Ông Bùi Văn Tiến	Ủy viên	25.200.000		25.200.000
4	Ông Phạm Hữu Bắc	Ủy viên	25.200.000		25.200.000
5	Ông Nguyễn Ngọc Nam	GĐ Cty		234.648.000	234.648.000
6	Ông Trần Văn Chiến	PGĐ Cty			221.056.000

				221.056.000	
II	Ban kiểm soát				
1	Bà Phạm Thị Hoa	Tr.ban KS	25.200.000		25.200.000
2	Bà Võ Thị Dung	TV BKS	11.400.000		11.400.000
III	Kế toán Trưởng				
1	Ông Đinh Hữu Hạnh	Kế toán trưởng		202.998.000	202.998.000
IV	Thư ký Công ty				
1	Ông Nguyễn Trung Phương	Thư ký công ty	22.800.000	179.758.000	202.558.000

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty, thực hiện báo cáo và công bố thông tin kịp thời về thông tin định kỳ cũng như bất thường.

VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của Công ty đã thực hiện theo quy định của pháp luật của kế toán và kiểm toán. Báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.808.535.646	9.165.174.886
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.199.427.717	856.967.868
Tiền	111		1.199.427.717	856.967.868
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.425.277.174	2.008.031.944
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.308.006.540	1.565.369.240
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.354.017.284	1.288.189.011
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	32.000.000	57.932.343
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.268.746.650)	(1.268.746.650)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	365.288.000
Hàng tồn kho	140	8	9.605.622.207	5.456.492.568
Hàng tồn kho	141		9.922.450.266	5.456.492.568
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(316.828.059)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		578.208.548	843.682.506
Thuế GTGT được khấu trừ	152		578.208.548	843.682.506
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.472.034.239	31.743.723.138
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.903.408.016	5.689.338.725
Phải thu dài hạn khác	216	7	5.903.408.016	5.689.338.725

Tài sản cố định	220		2.523.744.808	2.819.144.849
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.523.744.808	2.819.144.849
- Nguyên giá	222		62.664.207.120	61.845.475.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.140.462.312)	(59.026.330.253)
Tài sản dở dang dài hạn	240		337.107.107	8.528.182.047
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	337.107.107	8.528.182.047
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	12.000.000.000	11.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		30.045.000.000	30.045.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.045.000.000)	(18.845.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		10.707.774.308	3.507.057.517
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.707.774.308	3.507.057.517
TỔNG TÀI SẢN	270		44.280.569.885	40.908.898.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		41.018.541.856	27.930.223.301
Nợ ngắn hạn	310		37.825.887.000	24.774.314.036
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.098.562.767	5.883.473.101
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	618.834.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	172.817.400	4.400.000
Phải trả người lao động	314		583.813.000	302.246.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.477.967.705	9.927.096.860
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	8.575.440.026	596.430.249
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	16.901.664.569	7.354.594.163
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.621.533	87.239.639
Nợ dài hạn	330		3.192.654.856	3.155.909.265
Phải trả dài hạn khác	337	16	173.552.800	235.552.800
Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	3.019.102.056	2.920.356.465
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.262.028.029	12.978.674.723
Vốn chủ sở hữu	410	18	3.262.028.029	12.978.674.723
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.850.000.000	38.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.850.000.000	38.850.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.579.021.166	1.579.021.166
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(37.166.993.137)	(27.450.346.443)

- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(27.450.346.443)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(9.716.646.694)	(27.450.346.443)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		44.280.569.885	40.908.898.024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B02-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	42.967.904.966	52.080.991.358
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.967.904.966	52.080.991.358
Giá vốn hàng bán	11	20	45.527.311.196	55.929.095.559
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.559.406.230)	(3.848.104.201)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	118.608.796	123.819.366
Chi phí tài chính	22	22	881.227.251	19.188.887.983
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.681.227.251	249.497.306
Chi phí bán hàng	25		-	8.625.456
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.362.758.803	4.828.366.552
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.684.783.488)	(27.750.164.826)
Thu nhập khác	31	24	-	300.000.000
Chi phí khác	32	25	31.863.206	181.617
Lợi nhuận khác	40		(31.863.206)	299.818.383
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.716.646.694)	(27.450.346.443)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.716.646.694)	(27.450.346.443)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(2.501)	(7.066)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(2.501)	(7.066)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B03-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(9.716.646.694)	(27.450.346.443)
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.042.513.953	804.233.494

Các khoản dự phòng	03		(384.426.350)	19.178.184.110
(Lãi lỗ) hoạt động đầu tư	05		(118.608.796)	(423.819.366)
Chi phí lãi vay	06		1.681.227.251	249.497.306
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.495.940.636)	(7.642.250.899)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		634.159.437	8.067.828.011
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.465.957.698)	(347.859.766)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.990.701.436	(3.775.607.621)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.200.716.791)	(3.090.310.952)
Tiền lãi vay đã trả	14		(966.733.083)	(116.540.206)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(13.453.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.504.487.335)	(6.918.194.533)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(818.732.018)	(1.810.787.727)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	300.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		118.608.796	123.819.366
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(700.123.222)	(1.386.968.361)
Tiền thu từ đi vay	33		25.528.220.593	12.233.599.189
Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.981.150.187)	(4.879.005.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.547.070.406	7.354.594.163
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		342.459.849	(950.568.731)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	856.967.868	1.807.536.599
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.199.427.717	856.967.868

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch CK HN;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD Cty;
- Lưu TCKT.



Nguyễn Ngọc Nam